

NGÔ THẮNG LỢI. **Hoạch định phát triển kinh tế-xã hội: lý luận và thực tiễn ở Việt Nam.** H.: Chính trị quốc gia, 2011, 290tr., Vb 49917.

Hiện nay, trên thế giới, để thực hiện chức năng quản lý và điều tiết hoạt động của nền kinh tế thị trường, đa số các chính phủ đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau, song hoạch định phát triển kinh tế-xã hội là một trong những công cụ được rất nhiều nước, trong đó có Việt Nam, sử dụng để thực hiện sự can thiệp có hiệu quả vào nền kinh tế thị trường.

Nội dung sách được chia làm 2 phần.

Phần I, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạch định phát triển ở Việt Nam*, đem đến cho bạn đọc cái nhìn sơ lược về bản chất, chức năng và nguyên tắc hoạch định phát triển. Đồng thời, tác giả khái quát lịch sử phát triển công tác hoạch định phát triển ở Việt Nam, những tiến bộ, hạn chế và nội dung tiếp theo trong quá trình đổi mới; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và các kế hoạch 5 năm.

Phần II, *Quy trình, phương pháp, công cụ hoạch định phát triển*, đi từ phân tích đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế-xã hội, dự báo các yếu tố tác động đến xu hướng phát triển tương lai, đến xác định tầm nhìn, mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp. Cùng với đó, tác giả làm rõ các công cụ triển khai hoạch định phát triển và công tác theo dõi, đánh giá thực hiện ở Việt Nam hiện nay.

HOÀI PHÚC

TRƯƠNG THỊ HỒNG HÀ. **Trưng cầu ý dân: những vấn đề lý luận và thực tiễn.** H.: Chính trị – Hành chính, 2011, 166 tr., Vb 49951.

Trải qua hơn 25 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng về kinh tế – xã hội, giữ vững ổn định chính trị và từng bước hội nhập vào xu thế phát triển mới. Để đáp ứng được yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới của đất nước, đòi hỏi Nhà nước phải chú trọng tới tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp và gián tiếp. Ở nước ta, muốn thực hiện dân chủ trực tiếp hiệu quả, Nhà nước cần phải tiến hành xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế dân chủ trực tiếp. Trong đó, việc nghiên cứu xây dựng Luật Trưng cầu ý dân được xem là hoạt động có ý nghĩa và mang tính đột phá. Trưng cầu ý dân sẽ là công cụ quan trọng để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của mình đối với mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội.

Hai phần nội dung sách góp phần tạo cơ sở xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trưng cầu ý dân, đồng thời nhấn mạnh vị trí, vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng của trưng cầu ý dân trong hệ thống cơ chế dân chủ trực tiếp ở nước ta, gồm: Những vấn đề lý luận của trưng cầu ý dân (phần thứ nhất) và kinh nghiệm của các nước trên thế giới về trưng cầu ý dân (phần thứ hai).

HÀ AN

HOÀNG VĂN LUÂN. **Lợi ích - động lực phát triển xã hội bền vững**. H.: Chính trị quốc gia, 2011, 211tr., Vb 49824.

Phát triển xã hội bền vững là xu thế tất yếu của thời đại và là vấn đề hết sức cần thiết cho bất cứ cá nhân, nhóm hay cộng đồng nào. Cuốn sách làm sáng tỏ bản chất, vai trò động lực của lợi ích đối với sự phát triển xã hội bền vững trong giai đoạn đổi mới đất nước hiện nay. Sách gồm 3 chương.

Chương I làm rõ *phát triển xã hội và động lực của phát triển xã hội* qua việc hệ thống hoá những quan niệm khoa học về xã hội, sự phát triển xã hội và sự phát triển xã hội bền vững với những nhân tố chủ quan, trong đó có nhân tố lợi ích. Từ đó, nhận thức được những động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội và tạo mọi điều kiện phát huy sức mạnh của các động lực ấy để đảm bảo sự phát triển xã hội nhanh và bền vững.

Chương II phân tích *lợi ích với tính cách là động lực phát triển xã hội* dưới mỗi góc độ và từng vị trí trong hoạt động của con người và sự phát triển xã hội. Tác giả chỉ ra tầm quan trọng của lợi ích với ý nghĩa là động lực cơ bản, xuyên suốt của quá trình phát triển xã hội.

Chương III đề cập đến việc *điều chỉnh quan hệ lợi ích vì sự phát triển xã hội bền vững* với mục đích phát huy tối đa vai trò động lực của lợi ích cho sự phát triển bền vững. Để đảm bảo mục đích đó, quá trình điều chỉnh các quan hệ lợi ích cần phải tuân thủ một số nguyên tắc, biện pháp và công cụ điều chỉnh quan hệ lợi ích cơ bản.

TV.

LÊ HỮU NGHĨA (chủ biên). **Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội**. H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2010, 303 tr., Vb 49854.

Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội được đo lường thông qua cơ cấu nhóm ngũ vị phân hay cơ cấu giàu nghèo thể hiện trên sáu lĩnh vực của đời sống xã hội là kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, quản lý và sự hài lòng. Cuốn sách không chỉ phân tích thực trạng phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội mà còn tập trung làm rõ các loại hình cơ cấu xã hội và xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở Việt Nam. Đây là tài liệu tham khảo bổ ích cho sinh viên, học viên, các cán bộ nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách và các cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như các bạn đọc quan tâm tới chủ đề cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội.

Sách được kết cấu thành 3 phần.

Phần I (chương 1-2) trình bày tổng quan một số vấn đề lý luận, phương pháp nghiên cứu và kết quả điều tra về cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội Việt Nam ở thập kỷ cuối của thế kỷ XX.

Phần II (chương 3-10) phân tích các loại hình cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội với các biểu hiện phong phú, phức tạp trong các lĩnh vực như mức sống, giáo dục - đào tạo, lao động - việc làm, truyền thống - vui chơi - giải trí - thể thao, tham gia quản lý cộng đồng, thái độ đối với cuộc sống và nguyên nhân, xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Phần III là kết luận và các khuyến nghị nhằm góp phần định hướng, điều chỉnh cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện mới ở Việt Nam hiện nay.

QUỲNH TRANG

NGUYỄN TẮT ĐẠT. **Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam**. H.: Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011, 223 tr., Vb 49816.

Trải qua hơn 2000 năm du nhập và phát triển ở Việt Nam, Phật giáo ngày càng khẳng định là một tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt, là thành tố văn hóa không thể thiếu của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra đường lối đúng đắn, coi tôn giáo (trong đó có Phật giáo) là nhu cầu sinh hoạt tinh thần của một bộ phận người dân, từ đó thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, tập hợp, đoàn kết các tôn giáo phục vụ lợi ích dân tộc, thực hiện sống tốt đời, đẹp đạo. Đặc biệt, sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 với tư cách là một cơ quan chịu trách nhiệm duy nhất trong các hoạt động đối nội và đối ngoại của Phật giáo Việt Nam, thể hiện mối quan hệ hài hòa, gắn bó giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam (thần quyền) và chính trị nhà nước (thế quyền).

Sách gồm 3 chương, phác họa quá trình ra đời, phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (chương I); phân tích thực trạng mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam (chương II); và bước đầu chỉ ra những hạn chế và những bài học kinh nghiệm, đề xuất một số khuyến nghị nhằm củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng bền vững, gắn bó trong tương lai (chương III).

HÒA AN

LÊ MINH QUÂN. **Về quá trình dân chủ hoá xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay**. H.: Chính trị quốc gia, 2011, 354 tr., Vb 49922.

Ở nước ta hiện nay, dân chủ chính là mục tiêu và động lực của công cuộc đổi mới. Nội dung sách đi từ những lý thuyết và mô hình chủ yếu về dân chủ và dân chủ hoá, qua các thời kỳ cổ-trung đại, cận đại và hiện đại; đến những xu hướng phát triển mới của thế giới (về khoa học-công nghệ, về kinh tế thị trường, kinh tế tri thức) với dân chủ hoá hiện nay. Đồng thời tác giả cũng làm rõ quá trình dân chủ hoá trên thế giới, đặc điểm và kinh nghiệm từ quá trình dân chủ hoá ở các nước.

Phân tích dân chủ hoá trong quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay, tác giả nêu bật những nội dung cơ bản của dân chủ hoá, đặc điểm và những kinh nghiệm từ dân chủ hoá mà chúng ta đã thực hiện. Xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực, vấn đề phát triển xã hội công dân cũng là những nội dung được tác giả phân tích trong mối quan hệ với quá trình dân chủ hoá, từ cả phương diện thành tựu, hạn chế và những giải pháp đề xuất.

Phần cuối sách làm rõ vấn đề mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng, xây dựng thể chế Đảng lãnh đạo trong quá trình dân chủ hoá. Trên cơ sở yêu cầu khách quan của dân chủ hoá ở cơ sở, tác giả phân tích thực trạng và vấn đề đặt ra trong quá trình dân chủ hoá ở cơ sở, từ đó đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh dân chủ hoá ở cơ sở ở nước ta hiện nay.

TRUNG HẬU

PHẠM THỊ KHANH (chủ biên). **Kinh tế Việt Nam 2010 vượt qua suy giảm, tạo đà phát triển bền vững sau Đại hội XI của Đảng**. H.: Chính trị quốc gia, 2011, 227 tr., Vb 49899.

Trước tác động của suy thoái kinh tế thế giới, Chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương và doanh nghiệp phải tập trung ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội. Cùng với đó, Chính phủ cũng đưa ra nhiều biện pháp chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng hợp lý, kích cầu đầu tư và tăng trưởng xuất khẩu.

Kết thúc năm 2010, các giải pháp của Chính phủ cũng đã phát huy tác dụng: lạm phát được kiềm chế, mục tiêu tăng trưởng kinh tế cũng được bảo đảm, từng bước vượt qua suy giảm kinh tế. Tuy vậy, nền kinh tế Việt Nam mới chỉ bước đầu thoát ra khỏi suy giảm, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường.

Cuốn sách là nghiên cứu có hệ thống, phân tích sự *suy giảm kinh tế và tác động tiêu cực của suy giảm kinh tế đến mục tiêu phát triển bền vững* (chương I); phân tích *bối cảnh năm 2010 và đổi sách vượt qua suy giảm kinh tế, tạo đà phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam* (chương II); nêu lên những *thành tựu, hạn chế và bài học rút ra từ quá trình vượt qua suy giảm năm 2010, tạo đà phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam* (chương III); và đưa ra *phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam sau Đại hội lần thứ XI của Đảng* (chương IV).

KHÁNH CHI

NGUYỄN HOÀNG GIÁP, NGUYỄN THỊ QUẾ, NGUYỄN VĂN DƯƠNG (đồng chủ biên). **Quan hệ Việt Nam-Hàn Quốc từ năm 1992 đến nay và triển vọng phát triển đến năm 2012**. H.: Chính trị quốc gia, 2011, 179tr., Vb 49924.

Kể từ khi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao từ 1992 đến nay, quan hệ Việt Nam và Hàn Quốc đã có được những thành tựu đáng ghi nhận trên tất cả các lĩnh vực.

Nội dung sách giúp bạn đọc hiểu biết thêm về mối quan hệ giữa hai nước trong khuôn khổ đối tác, hợp tác chiến lược để thấy rõ những thuận lợi cũng như những khó khăn, hạn chế còn tồn tại, đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác này cả về chiều rộng và chiều sâu, phục vụ đắc lực hơn cho chiến lược phát triển của hai nước Việt Nam và Hàn Quốc trong tình hình mới. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 khái quát những quan điểm và những nhân tố chủ yếu tác động đến quan hệ Việt Nam-Hàn Quốc thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, từ bối cảnh quốc tế và khu vực, đến công cuộc cải cách ở Hàn Quốc và đổi mới ở Việt Nam.

Chương 2 phân tích quan hệ Việt Nam-Hàn Quốc trên các lĩnh vực chính trị-đối ngoại, kinh tế, văn hoá, giáo dục và khoa học-công nghệ.

Trên cơ sở đó, ở chương 3, các tác giả nhận định triển vọng của quan hệ đối tác hợp tác chiến lược Việt Nam-Hàn Quốc và đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường mối quan hệ này đến năm 2020.

HOÀI PHÚC

NGÔ DOÃN VỊNH (chủ biên). **Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020**. H.: Chính trị quốc gia, 2011, 304 tr., Vb 49928.

Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế trong tương quan với sử dụng các nguồn lực và tạo dựng, duy trì động lực của Việt Nam đến năm 2020 là mục tiêu quan trọng và thiết thực. Nhằm góp phần vào việc luận giải những căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách đối với các nguồn lực và động lực cho Chiến lược phát triển đất nước, nội dung sách tập trung vào 4 phần chính:

Phần 1 làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nguồn lực và động lực phát triển (các khái niệm, vai trò và yêu cầu của việc phân bổ nguồn lực, phát huy động lực); kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về sử dụng và phát huy nguồn lực trong phát triển.

Phần 2 và 3 đánh giá thực trạng sử dụng các loại nguồn lực của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ mới (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, vốn, khoa học - công nghệ, văn hoá); thực trạng phát huy các loại động lực (cơ chế thị trường, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, cơ chế kích thích lợi ích kinh tế, có chế cạnh tranh và truyền thống văn hoá).

Phần 4 trình bày quan điểm, phương hướng và các chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lực, sử dụng hợp lý nguồn lực và phát huy đầy đủ các động lực phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

TA.

BÙI VĂN HUYỀN, ĐINH THỊ NGÀ. **Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam**. H.: Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011, 298 tr., Vb 49933.

Thị trường bất động sản là nơi hấp thụ và giải phóng lượng vốn khổng lồ, tác động không chỉ đối với khu vực sản xuất mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng dư thừa hay thiếu hụt lượng tiền trong lưu thông. Những diễn biến của thị trường bất động sản ảnh hưởng trực tiếp đến luồng lưu thông tiền tệ, đến hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại và chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó, thị trường này ảnh hưởng đến mọi tầng lớp dân cư và do đó, sự rối loạn trên thị trường bất động sản có thể dẫn đến những bất ổn xã hội.

Hệ lụy của sự bất ổn ở thị trường bất động sản không đơn thuần tác động tiêu cực tới các chủ thể trực tiếp tham gia thị trường (cung – cầu) mà còn ảnh hưởng đến quá trình đô thị hóa, đến phát triển hạ tầng giao thông, đến quy hoạch tổng thể kinh tế – xã hội, phân hóa giàu nghèo, bảo đảm an sinh xã hội,... và xa hơn, nó tác động đến sự phát triển bền vững của đất nước trong dài hạn.

Ba chương sách là nghiên cứu có hệ thống về *cơ sở lý luận và thực tiễn về thị trường bất động sản và quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản* (chương I); *quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản và thực trạng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam* (chương II); và *giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam* (chương III).

AN AN